

Số: /KH-UBND

Lai Châu, ngày 01 tháng 7 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 05/5/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 05/5/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035 và Kế hoạch số 77- KH/ĐU ngày 20/5/2026 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh; trên cơ sở đó phân công nhiệm vụ cho các ngành, địa phương và huy động, bố trí nguồn lực, xác định lộ trình tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035, đảm bảo đạt mục tiêu theo Nghị quyết đề ra.

Làm cơ sở để các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các xã, phường xây dựng kế hoạch, chương trình công tác hằng năm; kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện và tổ chức sơ kết, tổng kết theo quy định.

2. Yêu cầu

Quán triệt đầy đủ, sâu sắc nội dung của Nghị quyết; xác định rõ nhiệm vụ, lộ trình thực hiện và trách nhiệm của các sở, ban, ngành, địa phương trong tổ chức triển khai thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các cấp, các ngành nhằm cụ thể hóa các mục tiêu của Nghị quyết.

Việc triển khai thực hiện Kế hoạch phải bảo đảm đồng bộ, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh, phát huy vai trò chủ động của các cơ quan,

đơn vị, địa phương; nhất là sự tham gia tích cực của người dân, cộng đồng, doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh trong triển khai thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Các cấp, các ngành thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát, định kỳ đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm và đề xuất điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 17-NQ/TU; huy động, lồng ghép và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển khu vực nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; đẩy mạnh phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống Nhân dân; thu hẹp dần khoảng cách phát triển giữa các vùng; giữ vững ổn định chính trị, quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

Xây dựng nông thôn mới của tỉnh theo hướng hiện đại, giàu bản sắc, gắn với đô thị hóa và thích ứng với biến đổi khí hậu. Thực hiện giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, bảo đảm bình đẳng giới và an sinh xã hội. Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng xanh, tuần hoàn, sinh thái, gắn với tái cơ cấu nông nghiệp, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo để nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống của người dân; đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường, bản sắc văn hóa và giá trị truyền thống, làm nền tảng cho phát triển toàn diện khu vực nông thôn và vùng đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh. Từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước. Bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu đến năm 2030

(1) Thu nhập bình quân của người dân nông thôn đạt 47,5 triệu đồng; thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số bằng 1/2 bình quân chung của cả nước.

(2) Tỷ lệ hộ nghèo bình quân giảm 3% - 4%/năm, đến năm 2030 tỷ lệ hộ nghèo đa chiều còn dưới 10%.

(3) Phần đầu toàn tỉnh cơ bản không còn xã, bản đặc biệt khó khăn.

(4) Phần đầu toàn tỉnh có ít nhất 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới.

2.2. Định hướng đến năm 2035

(1) Phần đầu thu nhập bình quân của người dân nông thôn tăng ít nhất 1,6 lần so với năm 2030, thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số bằng 1/2 bình quân chung của cả nước.

(2) Tỷ lệ nghèo đa chiều duy trì mức giảm 3%-4%/năm theo chuẩn nghèo giai đoạn 2031-2035.

(3) Phần đầu giảm ít nhất 50% số xã, bản khó khăn trên địa bàn toàn tỉnh.

(4) Phần đầu có 20 xã đạt chuẩn nông thôn mới.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác tuyên truyền, quán triệt; nâng cao nhận thức, trách nhiệm và tạo chuyển biến mạnh mẽ trong tổ chức thực hiện

- Tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng nội dung Nghị quyết số 17-NQ/TU đến toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và Nhân dân nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm, quyết tâm chính trị trong tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026–2030. Nội dung tuyên truyền phải bám sát quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết; tập trung làm rõ vị trí, vai trò, ý nghĩa của xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đối với sự phát triển nhanh, bền vững của tỉnh; khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường, ý chí vươn lên của người dân và tạo sự thống nhất trong nhận thức, hành động của cả hệ thống chính trị.

- Tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền theo hướng thiết thực, hiệu quả, phù hợp với từng địa bàn, từng nhóm đối tượng; phát huy vai trò của hệ thống thông tin cơ sở, người có uy tín, già làng, trưởng bản trong vận động Nhân dân tích cực tham gia thực hiện các phong trào thi đua, các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Gắn công tác tuyên truyền với việc biểu dương, nhân rộng các mô hình tiêu biểu, cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả; tạo chuyển biến rõ nét trong nhận thức và hành động của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong tổ chức thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TU.

- Chỉ đạo toàn diện việc triển khai thực hiện Nghị quyết; xác định rõ đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên, lâu dài. Đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu; gắn kết quả thực hiện với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tổ chức, cá nhân.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo theo hướng giao nhiệm vụ cụ thể, rõ

trách nhiệm, rõ sản phẩm; tăng cường kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả dựa trên các chỉ tiêu đầu ra như thu nhập, giảm nghèo, tiêu chí nông thôn mới.

- Tập trung xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở theo hướng chuyên nghiệp, đa nhiệm, đáp ứng yêu cầu quản lý phát triển kinh tế - xã hội, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, môi trường. Ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là người dân tộc thiểu số, cán bộ trẻ; nâng cao năng lực quản lý, tổ chức thực hiện chương trình, dự án.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho cấp xã trong tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tạo điều kiện để cấp xã và cộng đồng dân cư chủ động lựa chọn nội dung, mô hình phát triển phù hợp với thực tiễn. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục, nâng cao hiệu lực, hiệu quả phối hợp giữa các cấp, các ngành.

2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách và nâng cao hiệu quả huy động, sử dụng nguồn lực

- Tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc tham mưu ban hành theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026–2030 bảo đảm đồng bộ, phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh và quy định của Trung ương. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế phân cấp, phân quyền, cơ chế quản lý đầu tư theo hướng tăng tính chủ động cho cơ sở đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát và nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong tổ chức thực hiện.

- Ưu tiên bố trí, lồng ghép và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới và địa bàn đặc biệt khó khăn; tập trung đầu tư các công trình hạ tầng thiết yếu, các dự án tạo sinh kế, phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân. Đồng thời, đẩy mạnh huy động nguồn lực xã hội; khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm và đầu tư phát triển kinh tế nông thôn.

- Chủ động tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác quản lý, phân bổ, giải ngân nguồn vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công; tăng cường công khai, minh bạch, phòng, chống thất thoát, lãng phí trong quản lý và sử dụng nguồn lực.

3. Tập trung phát triển kết cấu hạ tầng và sắp xếp ổn định dân cư

- Ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu khu vực nông thôn, nhất là hạ tầng giao thông, điện, nước sinh hoạt, thủy lợi, trường học, cơ sở y tế, hạ tầng số, viễn thông, thiết chế văn hóa và các công trình phục vụ dân sinh. Việc đầu tư phải bảo đảm đồng bộ, hiệu quả, phù hợp quy hoạch và nhu cầu thực tiễn của từng địa phương, từng vùng. Phấn đấu đến năm 2030 có trên 95% đường xã được cứng hóa; 80% dân số nông thôn sử dụng nước sạch; 99% hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia; 90% chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả công tác quy hoạch, phấn đấu 100% các xã đạt tiêu chí quy hoạch trong xây dựng nông thôn mới; tiếp tục bố trí, sắp xếp ổn định dân cư gắn với phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo đảm quốc phòng, an ninh. Tập trung di chuyển dân cư ra khỏi vùng có nguy cơ cao xảy ra thiên tai, sạt lở đất, lũ quét; quan tâm đầu tư hoàn thiện hạ tầng tại các điểm tái định cư, ổn định đời sống và sinh kế cho người dân sau sắp xếp.

- Hỗ trợ về đất đai, nhà ở cho người dân nông thôn, hộ nghèo, hộ cận nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số thiếu đất ở, đất sản xuất theo quy định gắn với phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, vận hành, duy tu, bảo trì công trình sau đầu tư; phát huy hiệu quả sử dụng các công trình hạ tầng phục vụ trực tiếp đời sống Nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội khu vực nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

4. Đẩy mạnh phát triển kinh tế nông thôn, giảm nghèo bền vững gắn với cơ cấu lại nông nghiệp, phát triển sản xuất hàng hóa và nâng cao đời sống Nhân dân

- Tập trung triển khai hiệu quả các nhiệm vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị, phát huy tiềm năng, lợi thế về điều kiện tự nhiên, khí hậu, cảnh quan sinh thái, bản sắc văn hóa và hạ tầng kinh tế - xã hội của từng địa phương. Đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm và nhu cầu thị trường; ưu tiên áp dụng các quy trình sản xuất nông nghiệp an toàn, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp giảm phát thải; tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, truy xuất nguồn gốc và thực hành sản xuất nông nghiệp tốt nhằm nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp địa phương.

- Tiếp tục củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể, hợp tác xã gắn với phát triển sinh kế bền vững, phấn đấu đến năm 2030 toàn tỉnh có

khoảng 460 hợp tác xã, trong đó trên 250 hợp tác xã nông - lâm - ngư nghiệp; khuyến khích hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ hợp tác liên kết sản xuất - tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao và chuyển đổi số trong sản xuất, kinh doanh.

- Hỗ trợ xây dựng vùng nguyên liệu tập trung đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn, ứng dụng cơ giới hóa, công nghệ cao trong sản xuất, như: vùng chè trên 10.000 ha, lúa hàng hóa trên 3.500 ha, cây ăn quả trên 7.400 ha, quế trên 12.500 ha, mắc ca trên 7.400 ha; cá lồng trên lồng hồ 177.000 m³. Tập trung phát triển các vùng dược liệu quý phù hợp điều kiện sinh thái (sâm Lai Châu, đương quy, tam thất, sa nhân...). Đồng thời gắn phát triển sản xuất với bảo vệ, phát triển rừng, thực hiện hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, bảo đảm phát triển bền vững và nâng cao thu nhập cho người dân. Tập trung duy trì và phát triển trên 200 sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên; chú trọng phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề truyền thống, du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, phấn đấu đến năm 2030 có trên 20 sản phẩm du lịch cộng đồng được công nhận; từng bước hình thành các mô hình kinh tế nông thôn xanh, bền vững, có khả năng cạnh tranh và thích ứng với yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

- Đẩy mạnh kết nối thị trường, xúc tiến thương mại, phát triển thương mại điện tử và các nền tảng số trong tiêu thụ nông sản; nâng cao năng lực sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm nông nghiệp gắn với vùng nguyên liệu tập trung và các chuỗi ngành hàng chủ lực của tỉnh. Tiếp tục củng cố, mở rộng mạng lưới khuyến nông cộng đồng; xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình giảm nghèo hiệu quả phù hợp với điều kiện của từng địa phương, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa và địa bàn đặc biệt khó khăn. Phấn đấu đến năm 2030 có 80% số hộ nông dân là người dân tộc thiểu số làm kinh tế nông - lâm - nghiệp hàng hóa.

- Triển khai đồng bộ, hiệu quả các chính sách giảm nghèo theo hướng đa chiều, bền vững; lấy người dân làm chủ thể, khơi dậy ý chí tự lực, tự cường và khát vọng vươn lên thoát nghèo. Tập trung hỗ trợ tạo sinh kế, giải quyết việc làm, đào tạo nghề, xuất khẩu lao động, nâng cao thu nhập và cải thiện điều kiện sống cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số và các đối tượng yếu thế, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; từng bước thu hẹp khoảng cách phát triển và mức sống giữa các vùng trong tỉnh.

5. Phát triển văn hóa, giáo dục, y tế và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chính sách phát triển giáo dục, đào tạo, chăm sóc sức khỏe Nhân dân; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khu vực nông thôn và vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Quan tâm đầu tư cơ sở vật chất trường học, cơ sở y tế; nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, nhân viên y tế cơ sở; bảo đảm người dân được tiếp cận thuận lợi với các dịch vụ xã hội cơ bản.

- Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chất lượng lao động nông thôn, đáp ứng yêu cầu xây dựng nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp xanh, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tập trung, ưu tiên cho lao động trên địa bàn các xã, bản đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới. Phấn đấu bình quân đào tạo khoảng 4.700 lao động/năm, đến năm 2030 tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70,5%.

- Phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiệu quả, nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Điều dưỡng người có công và Dịch vụ việc làm, đẩy mạnh xuất khẩu lao động; thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động, giảm lao động khu vực nông nghiệp. Ưu tiên hỗ trợ người lao động cư trú trên địa bàn các xã, bản đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Phấn đấu đến năm 2030 có 1.400 người đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng đời sống văn hóa cộng đồng gắn với bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống. Tăng cường tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao tại cơ sở, chú trọng các hoạt động văn hóa, thể thao truyền thống; tiếp tục duy trì tổ chức các lễ hội truyền thống; thành lập và duy trì hoạt động các câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ dân gian xã, phường, các đội văn nghệ quần chúng ở thôn, bản; khuyến khích các đội văn nghệ quần chúng tổ chức, tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ ở cơ sở góp phần bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cơ sở; nâng cao năng lực quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia; chú trọng đào tạo cán bộ là người dân tộc thiểu số, cán bộ trẻ, cán bộ nữ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Phấn đấu 100% cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, 95% cán bộ, công chức, viên chức cấp xã tham gia Chương trình được tập huấn ít nhất 01 chuyên đề chuyên sâu/năm; 100% trưởng bản, thành viên các ban ở thôn, bản được tập huấn về quy trình thực hiện, giám sát đầu tư và huy động cộng đồng.

6. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong quản

lý, điều hành và tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; nâng cao hiệu quả quản lý dữ liệu, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện; từng bước hiện đại hóa công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và giảm nghèo.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số”; nâng cao kỹ năng số cho người dân, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa; tăng cường khả năng tiếp cận thông tin, dịch vụ số và các nền tảng số phục vụ sản xuất, kinh doanh và đời sống.

- Khuyến khích ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong hợp tác xã, doanh nghiệp và các mô hình kinh tế nông thôn.

7. Phát triển nông thôn bền vững gắn với bảo vệ môi trường, trợ giúp pháp lý, thúc đẩy bình đẳng giới và bảo đảm quốc phòng, an ninh

- Tập trung triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp phát triển nông thôn theo hướng bền vững, toàn diện, hiện đại và phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh; gắn phát triển kinh tế nông thôn với nâng cao chất lượng đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái và thích ứng với biến đổi khí hậu. Chú trọng phát triển nông thôn xanh, sạch, an toàn; nâng cao chất lượng các dịch vụ xã hội cơ bản; từng bước thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới và địa bàn đặc biệt khó khăn.

- Đẩy mạnh thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường nông thôn; nâng cao hiệu quả phân loại, thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt; quản lý chất thải phát sinh trong sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; bảo vệ nguồn nước, bảo vệ và phát triển rừng; sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; chủ động phòng ngừa, giảm thiểu tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu. Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp gắn với xây dựng nông thôn mới bền vững.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý, hòa giải ở cơ sở; nâng cao khả năng tiếp cận pháp luật của người dân, nhất là người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa và các đối tượng yếu thế. Đồng thời, tăng cường lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ về bình đẳng giới trong triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; phát huy vai trò của phụ nữ trong phát triển kinh tế hộ gia đình, tham gia các hoạt động

xã hội, xây dựng đời sống văn hóa và xây dựng nông thôn mới tại địa phương.

- Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh; giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội và chủ quyền biên giới quốc gia. Chủ động phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn các loại tội phạm, tệ nạn xã hội; xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân vững chắc; bảo đảm an ninh, trật tự tại cơ sở; đẩy mạnh phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”, nhân rộng các mô hình bảo đảm an ninh, trật tự, đặc biệt là các mô hình chuyên đôi số, mô hình camera AI giám sát an ninh khu vực nông thôn. Phấn đấu duy trì 100% xã đạt tiêu chí về an ninh, trật tự.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Là cơ quan đầu mối, chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, điều hành, tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch trên phạm vi toàn tỉnh.

- Chủ trì xây dựng kế hoạch thực hiện giai đoạn 2026 - 2030 và kế hoạch hằng năm; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, tổng hợp tình hình thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch; định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

- Chủ trì tham mưu hoàn thiện cơ chế, chính sách; đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình.

- Phối hợp với các sở, ngành, địa phương tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình.

2. Sở Tài chính

Chủ trì tham mưu cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư phát triển, kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình theo quy định.

Tham mưu cơ chế quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán các nguồn vốn thực hiện Chương trình; hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng nguồn lực bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, đúng quy định.

Theo dõi tình hình giải ngân, tổng hợp nhu cầu vốn hằng năm; phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn phù hợp với tiến độ thực hiện.

3. Sở Dân tộc và Tôn giáo

- Chủ trì tham mưu triển khai các nội dung liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; phối hợp với các sở, ngành,

địa phương hướng dẫn thực hiện các chính sách dân tộc theo quy định.

- Theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; định kỳ tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

4. Các sở, ban, ngành tỉnh

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý; lồng ghép hiệu quả các chương trình, đề án, dự án để thực hiện Kế hoạch.

- Chủ trì thực hiện các chỉ tiêu chuyên ngành; định kỳ đánh giá kết quả thực hiện và gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Dân tộc và Tôn giáo tổng hợp.

- Tăng cường phối hợp liên ngành; kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn cho cơ sở; đẩy mạnh chuyển đổi số, cải cách thủ tục hành chính trong quá trình tổ chức thực hiện.

5. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch trên địa bàn.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện giai đoạn 2026 - 2030 và kế hoạch hằng năm phù hợp với điều kiện thực tế; lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

- Chủ động huy động, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; ưu tiên nguồn lực cho các bản đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, khu vực biên giới và các địa bàn có tỷ lệ hộ nghèo cao.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia thực hiện Chương trình; phát huy vai trò chủ thể của người dân, cộng đồng dân cư trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; định kỳ báo cáo theo quy định; chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu và kết quả thực hiện trên địa bàn.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

- Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia thực hiện Kế hoạch; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội và

tham gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn toàn tỉnh.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả các phong trào thi đua, các cuộc vận động gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững và nâng cao đời sống Nhân dân.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 05/5/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh, cơ quan báo chí thường trú trên địa bàn tỉnh;
- VP UBND tỉnh: V, C;
- Lưu: VT, Kt1

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hà Trọng Hải

Phụ lục I PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THAM MUỖ XÂY DỰNG VĂN BẢN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

(Kèm theo Kế hoạch số 5434 /KH-UBND, ngày 01 /7/2026 của UBND tỉnh Lai Châu)

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/kết quả
1	Xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ và tỷ lệ vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện chương trình.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	Trước ngày 31/7/2026	Nghị quyết của HĐND tỉnh
2	Xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 thực hiện chương trình.	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	Trước ngày 31/7/2026	Nghị quyết của HĐND tỉnh
3	Xây dựng Kế hoạch đầu tư công hàng năm thực hiện chương trình	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	Trước 31/3 hằng năm	Nghị quyết của HĐND tỉnh; Quyết định của UBND tỉnh
4	Xây dựng Quy định mức hỗ trợ 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất tại địa phương thực hiện chương trình.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	Trước ngày 31/8/2026	Nghị quyết của HĐND tỉnh
5	Thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030 tỉnh Lai Châu; Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo và Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo.	Sở Tài chính	Các sở, ngành tỉnh	Đã hoàn thành	Số 589/QĐ-UBND ngày 29/4/2026; số 01/QĐ-BCĐ ngày 29/4/2026; số 02/QĐ-BCĐ ngày 29/4/2026;
6	Xây dựng Quy định hình thức hỗ trợ, định mức hỗ trợ, quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước đối với các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giao cho cộng đồng tự thực hiện trên địa bàn tỉnh Lai Châu.	Sở Tài chính	Các sở, ngành, UBND các xã, phường	Đã hoàn thành	Quyết định số 42/2026/QĐ-UBND ngày 04/6/2026

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/kết quả
7	Xây dựng Quy định danh mục loại dự án đặc thù, tiêu chí tổng mức đầu tư tối đa của một dự án theo từng loại dự án đặc thù; tiêu chí thiết kế mẫu, thiết kế điển hình, thiết kế sẵn có thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	Trước ngày 31/7/2026	Quyết định của UBND tỉnh
8	Xây dựng Quy trình bảo trì mẫu cho công trình được đầu tư xây dựng theo cơ chế tổ chức thực hiện dự án quy mô nhỏ, tính chất kỹ thuật đơn giản, có sự tham gia của người dân thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030	Sở Xây dựng	Các sở, ngành, UBND các xã, phường	Trước ngày 31/8/2026	Quyết định của UBND tỉnh
9	Xây dựng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình, thiết kế sẵn có đối với các danh mục công trình thuộc lĩnh vực quản lý để Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức, đơn vị liên quan áp dụng để thực hiện đầu tư xây dựng dự án theo cơ chế đặc thù.	Sở Xây dựng	Các sở, ngành, UBND các xã, phường	Trước ngày 31/7/2026	Quyết định của UBND tỉnh
10	Xây dựng Quy định phân cấp thẩm quyền phê duyệt, quản lý dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cách thức nộp hồ sơ đề nghị dự án liên kết và dự án phát triển sản xuất của cộng đồng thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lai Châu	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các xã, phường	Đã hoàn thành	Số 29/2026/QĐ-UBND ngày 04/5/2026
11	Xây dựng Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lai Châu.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	Trước ngày 31/7/2026	Quyết định của UBND tỉnh

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/kết quả
12	Xây dựng Kế hoạch thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 và Kế hoạch hàng năm.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	Kế hoạch giai đoạn hoàn thành trước ngày 20/7/2026; Kế hoạch hằng năm hoàn thành trước 31/3 hằng năm	Kế hoạch của UBND tỉnh

Phụ lục II**PHÂN CÔNG TRIỂN KHAI CÁC CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ CỦA KẾ HOẠCH**

(Kèm theo Kế hoạch số 5434 /KH-UBND, ngày 01/7/2026 của UBND tỉnh Lai Châu)

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/kết quả
1	Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở theo hướng chuyên nghiệp, đa nhiệm, đáp ứng yêu cầu quản lý phát triển kinh tế - xã hội	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Nội vụ	Các sở, ngành liên quan; UBND các xã, phường	2026-2030	100% cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, 95% cán bộ, công chức, viên chức cấp xã tham gia Chương trình được tập huấn ít nhất 01 chuyên đề chuyên sâu/năm; 100% trưởng bản, thành viên các ban ở thôn, bản được tập huấn về quy trình thực hiện, giám sát đầu tư và huy động cộng đồng.
2	Tập trung phát triển kết cấu hạ tầng khu vực nông thôn	Sở Xây dựng phụ trách về chỉ tiêu đường giao thông; Sở Công Thương phụ trách về điện; Sở Nông nghiệp và Môi trường phụ trách về chỉ tiêu nước sạch và xử lý chất thải rắn.	Sở Tài chính, các sở, ngành liên quan, UBND các xã, phường	2026-2030	Trên 95% đường xã được cứng hóa; 80% dân số nông thôn sử dụng nước sạch; 99% hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia; 90% chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được phân loại, thu gom, xử lý
3	Sắp xếp, ổn định dân cư	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng, Sở Tài chính, UBND các xã, phường	2026-2030	Các điểm dân cư được sắp xếp, bố trí ổn định
4	Phát triển kinh tế nông thôn, giảm nghèo bền vững gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, phát triển sản xuất	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành liên quan; UBND các xã,	2026-2030	Xây dựng vùng nguyên liệu tập trung đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn, ứng dụng cơ giới hóa,

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/kết quả
	hàng hóa nâng cao đời sống nhân dân		phường		công nghệ cao trong sản xuất, như: vùng chè trên 10.000 ha, lúa hàng hóa trên 3.500 ha, cây ăn quả trên 7.400 ha, quế trên 12.500 ha, mắc ca trên 7.400 ha; cá lồng trên lòng hồ 177.000 m ³
5	Nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể, hợp tác xã gắn với phát triển sinh kế bền vững	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính, Liên minh HTX tỉnh và UBND các xã, phường	2026-2030	Khoảng 460 HTX, trong đó trên 250 hợp tác xã nông - lâm - ngư nghiệp.
6	Phát triển các sản phẩm OCOP giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành liên quan; UBND các xã, phường	2026-2030	Trên 200 sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên
7	Phát triển du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã, phường	2026-2030	Khoảng 20 điểm du lịch cộng đồng được công nhận
8	Đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khu vực nông thôn	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành liên quan; UBND các xã, phường	2026-2030	Khoảng 4.700 lao động được đào tạo/năm, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70,5%
9	Phát triển thị trường lao động linh hoạt và giải quyết việc làm cho người dân khu vực nông thôn	Sở Nội vụ	Các sở, ngành liên quan; UBND các xã, phường	2026-2030	1.400 lao động đi làm việc ở nước ngoài

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/kết quả
10	Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành; UBND các xã, phường	2026-2030	Khoa học, công nghệ và chuyển đổi số được ứng dụng mạnh trong quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG; kỹ năng số cho người dân, nhất là người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số được nâng cao.
11	Đảm bảo quốc phòng, an ninh và bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia	Công an tỉnh; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Các sở, ngành; UBND các xã, phường	2026-2030	100% xã đạt tiêu chí an ninh, trật tự
12	Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; tổ chức sơ kết, tổng kết	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành; UBND các xã, phường	Hàng năm; sơ kết năm 2028; tổng kết năm 2030	Báo cáo kiểm tra, giám sát; dự thảo báo cáo sơ kết, tổng kết

Phụ lục III
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ PHỤ TRÁCH CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI
(Kèm theo Kế hoạch số 5434/KH-UBND, ngày 01/7/2026 của UBND tỉnh Lai Châu)

STT	Nhiệm vụ/Chỉ tiêu, tiêu chí NTM	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Quy hoạch	Sở Xây dựng	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã	2026-2030	
2	Hạ tầng kinh tế - xã hội				
2.1	Hệ thống đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo kết nối và được bảo trì hàng năm; tỷ lệ đường xã đạt chuẩn theo quy hoạch đạt 100%, tỷ lệ km đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường đạt $\geq 50\%$; đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa	Sở Xây dựng	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã	2026-2030	
2.2	Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hàng năm, đảm bảo diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã	2026-2030	
2.3	Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ				
2.4	Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	Sở Công Thương	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã	2026-2030	
2.5	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn				
2.6	Có hạ tầng viễn thông đảm bảo phủ sóng, internet đến 100% khu dân cư nông thôn, vùng sản xuất	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã	2026-2030	
3	Phát triển kinh tế nông thôn				

STT	Nhiệm vụ/Chỉ tiêu, tiêu chí NTM	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
3.1	Tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người	Thống Kê tỉnh	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã	2026-2030	
3.2	Vùng nguyên liệu tập trung đối với cây trồng, vật nuôi chủ lực của xã được chứng nhận chất lượng, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã	2026-2030	
3.3	Có mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả				
3.4	Có kế hoạch và thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP gắn với đặc trưng, thế mạnh của địa phương				
3.5	Các mô hình du lịch nông thôn (nếu có) trong quy hoạch chung xã được đầu tư hạ tầng đồng bộ kết nối và hoạt động hiệu quả gắn với đặc trưng của địa phương				
3.6	Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả	Sở Tài chính	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã	2026-2030	
3.7	Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã	2026-2030	
3.8	Tỷ lệ hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi theo quy định	Hội Nông dân tỉnh	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã	2026-2030	
3.9	Có hoạt động phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn gắn với tạo việc làm, thu nhập cho người lao động địa phương	Sở Tài chính	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã	2026-2030	
3.10	Có khu công nghiệp hoặc cụm công nghiệp hoặc làng nghề được công nhận hoặc khu vực sản xuất dịch vụ quy mô phù hợp được quy hoạch, đầu tư xây dựng đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật	Sở Công Thương phụ trách nội dung Cụm công nghiệp; Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh phụ trách nội dung Khu công nghiệp; Sở Nông nghiệp và Môi trường phụ trách nội dung Làng nghề được công nhận và	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã	2026-2030	

STT	Nhiệm vụ/Chỉ tiêu, tiêu chí NTM	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		nội dung Khu vực sản xuất dịch vụ.			
4	Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn				
4.1	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã	2026-2030	
4.2	Tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã	2026-2030	
5	Văn hóa, Giáo dục, Y tế				
5.1	Xã đạt tiêu chí về phát triển văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã	2026-2030	
5.2	Xã đạt tiêu chí về phát triển giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã	2026-2030	
5.3	Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Sở Y tế	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã	2026-2030	
5.4	Trạm y tế xã theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm cung ứng dịch vụ cơ bản, thiết yếu về phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh và các dịch vụ chăm sóc xã hội				
6	Giảm nghèo và An sinh xã hội				
6.1	Tỷ lệ nghèo đa chiều	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã	2026-2030	
6.2	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố	Sở Xây dựng	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã	2026-2030	
6.3	Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã	2026-2030	
6.4	Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn “5 không, 3 sạch, 3 an	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã	2026-2030	

STT	Nhiệm vụ/Chỉ tiêu, tiêu chí NTM	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
6.5	Đảm bảo bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới	Sở Nội vụ	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã	2026-2030	
6.6	Có hoạt động phòng, chống xâm hại trẻ em; chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có)	Sở Y tế	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã	2026-2030	
6.7	Đảm bảo an toàn thực phẩm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã	2026-2030	
7	Khoa học công nghệ và Chuyển đổi số				
7.1	Điểm buru chính phục vụ công cộng và chính quyền số tại địa bàn	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã	2026-2030	
7.2	Tỷ lệ số hóa dữ liệu về nông nghiệp và môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã	2026-2030	
7.3	Triển khai hiệu quả hoạt động thương mại điện tử	Sở Công Thương	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã	2026-2030	
7.4	Có mô hình thôn thông minh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã	2026-2030	
8	Môi trường và cảnh quan nông thôn				
8.1	Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (nếu có) trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý đạt $\geq 80\%$; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp $\leq 50\%$ tổng lượng chất thải rắn phát sinh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã	2026-2030	
8.2	Tỷ lệ chất thải chăn nuôi, chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, xử lý, tái chế thành sản phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu, phân bón				
8.3	Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, làng nghề (nếu có) theo quy hoạch và tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường				

STT	Nhiệm vụ/Chỉ tiêu, tiêu chí NTM	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
8.4	Có phương án và thực hiện phương án phù hợp về thoát nước, thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường	Sở Xây dựng	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã	2026-2030	
8.5	Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; có mô hình cải tạo, phục hồi cảnh quan, xử lý chất lượng nước mặt ao hồ, kênh mương trên địa bàn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã	2026-2030	
9	Xây dựng hệ thống chính trị và Hành chính công				
9.1	Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Sở Nội vụ	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã	2026-2030	
9.2	Trung tâm phục vụ hành chính công hoạt động hiệu quả, tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt $\geq 90\%$	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã	2026-2030	
10	Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng				
10.1	Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	Sở Tư pháp	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã	2026-2030	
10.2	An ninh, trật tự được bảo đảm; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phát huy hiệu quả, đảm bảo số lượng, chất lượng, điều kiện hoạt động	Công an tỉnh	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã	2026-2030	
10.3	Có hệ thống camera AI giám sát an ninh trên địa bàn toàn xã				
10.4	Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã	2026-2030	

STT	Nhiệm vụ/Chỉ tiêu, tiêu chí NTM	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	sự, quốc phòng				